

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 24/3/2020.

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thơm.

2. Ông Trần Thanh Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H

Địa chỉ: 25 H, đường Nguyễn Thị M, phường B, quận C, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Phạm Anh T, sinh năm 1991 – Chuyên viên xử lý nợ. Văn bản ủy quyền ngày 20/6/2019. (Có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Anh Trần Văn T, sinh năm 1977. (Có mặt)

Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có đại diện theo ủy quyền là Chị Lê Phạm Anh T trình bày: Ngày 27/11/2015 Ngân hàng và vợ chồng Anh Trần Văn T và Chị Nguyễn Thị Đ ký hợp đồng trung – dài hạn số 0761/15/HĐTDTDH-CN/211/ĐNGN-KUNN.01 cho vợ chồng anh T vay số tiền 465.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, ngày đến hạn 11/12/2018, lãi suất 13%/năm. Ngày 14/4/2016 vợ chồng anh T tiếp tục ký hợp đồng tính dụng trung – dài hạn số 0280/16/HĐTDTDH-CN/211/ĐNGN-KUNN.01 vay Ngân hàng số tiền 1.300.000.000đồng, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay

của hai hợp đồng tín dụng là mua máy gặt đập liên hợp Yanmar AW82V và bù đắp mua bất động sản là thửa đất 313, tờ bản đồ 03, diện tích 23.619m². Tổng cộng hai hợp đồng tín dụng vợ chồng anh T vay 1.765.000.000đồng, để đảm bảo khoản vay phía vợ chồng anh T thế chấp QSD đất thửa 313, tờ bản đồ 03, diện tích 23.619m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 077967 cấp ngày 15/6/2011 do ông Tòng đứng tên QSD đất theo hợp đồng thế chấp số 0145/16/HĐBĐ/211 ký ngày 14/4/2016 và thế chấp máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Yanmar, kiểu máy AW70V, số khung 200011, số máy 03061A theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0544/15/HĐBĐ-SP/211 ký ngày 27/11/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mặc dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh T có trách nhiệm trả nợ: vốn gốc 1.238.300.000đồng, lãi tính đến xét xử sơ thẩm (24/3/2020) là 305.598.000đồng, trong đó lãi trong hạn 139.885.000đồng, lãi quá hạn 165.713.000đồng, tổng cộng 1.543.898.000đồng. Trường hợp vợ chồng anh T không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì phía Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp số 0145/16/HĐBĐ/211 ký ngày 14/4/2016 và hợp đồng thế chấp số 0544/15/HĐBĐ-SP/211 ký ngày 27/11/2015.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Anh Trần Văn T trình bày: Anh T thông nhất vợ chồng anh có ký hai hợp đồng tín dụng như nguyên đơn trình bày, thống nhất số tiền vay, lãi suất vay, mục đích vay, số tiền nợ vay. Nay, anh đồng ý trả nợ Ngân hàng nhưng không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc vợ chồng Anh Trần Văn T và Chị Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng vốn gốc 1.238.300.000đồng, lãi trong hạn 139.885.000đồng, lãi quá hạn 165.713.000đồng, tổng cộng 1.543.898.000đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu vợ chồng anh T không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Bị đơn Chị Nguyễn Thị Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự*: Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng Anh Trần Văn T và Chị Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả nợ gốc 1.238.300.000đồng, lãi trong hạn 139.885.000đồng, lãi quá hạn 165.713.000đồng, tổng cộng 1.543.898.000đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ 02 hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 0761/15/HĐTDTDH-CN/211/ĐNGN-KUNN.01 ký ngày 27/11/2015 vay số tiền 465.000.000đồng, lãi suất 13%/năm và hợp tính dụng số 0280/16/HĐTDTDH-CN/211/ĐNGN-KUNN.01 ký ngày 14/4/2016 vay 1.300.000đồng, lãi suất 12%/năm.

Căn cứ vào khế ước nhận nợ số 0761/15/HĐTDTDH-CN/211/ĐNGN-KUNN.01 lập ngày 11/12/2015 về việc giải ngân cho vợ chồng anh T nhận số tiền 465.000.000đồng;

Căn cứ vào khế ước nhận nợ số 0280/16/HĐTDTDH-CN/211/ĐNGN-KUNN.01 lập ngày 15/4/2016 về việc giải ngân cho vợ chồng anh T nhận số tiền 1.300.000.000đồng;

Căn cứ hợp đồng thế chấp bất động sản số 0145/16/HĐBĐ/211 ký ngày 14/4/2016 về việc vợ chồng anh T thế chấp quyền sử dụng đất thửa 313, tờ bản đồ 03, diện tích 23.619m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 077967 cấp ngày 15/6/2011 do ông Tòng đứng tên quyền sử dụng đất;

Căn cứ hợp đồng thế chấp số 0544/15/HĐBĐ-SP/211 ký ngày 27/11/2015 về việc vợ chồng anh T thế chấp máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Yanmar, kiểu máy AW70V, số khung 200011, số máy 03061A;

Căn cứ bảng tính lãi của Ngân hàng lập ngày 24/3/2020 về việc vợ chồng anh T nợ số tiền gốc 1.238.300.000đồng, lãi trong hạn 139.885.000đồng, lãi quá hạn 165.713.000đồng, tổng cộng 1.543.898.000đồng.

Từ những căn cứ, phân tích nêu trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét lời trình bày của Anh Trần Văn T thống nhất trả nợ theo yêu cầu nguyên đơn nhưng không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm khoản nợ của Ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận;

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Anh Trần Văn T và Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí là

29.158.000đồng. *(Có xét giảm theo đơn yêu cầu miễn giảm án phí)*

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 3.000.000đồng, nguyên đơn đã tạm ứng 3.000.000 đồng, bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn 3.000.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

Buộc vợ chồng Anh Trần Văn T và Chị Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 1.543.898.000đồng, trong đó nợ gốc 1.238.300.000đồng, lãi trong hạn 139.885.000đồng, lãi quá hạn 165.713.000đồng, lãi tạm tính đến ngày 24/3/2020.

Anh T và chị Đ còn phải trả lãi của số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng mức tín dụng số 0761/15/HĐTDTDH-CN/211 ký ngày 27/11/2015 và Hợp đồng tín dụng số 0280/16/HĐTDTDH-CN/211 ký ngày 14/4/2016, thời gian trả lãi kể từ ngày 25/3/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Nếu anh T và chị Đ không thanh toán xong tiền nợ gốc, lãi, lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0145/16/HĐBĐ/211 ký ngày 14/4/2016 và hợp đồng thế chấp số 0544/15/HĐBĐ-SP/211 ký ngày 27/11/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T và Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí 29.158.000đồng *(Có xét giảm theo đơn yêu cầu miễn giảm án phí)*. Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được nhận lại 24.574.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001719 ngày 15/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

[3] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 3.000.000đồng, nguyên đơn đã tạm ứng 3.000.000 đồng, bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn 3.000.000đồng.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, có mặt bị đơn Anh Trần Văn T, vắng mặt bị đơn Chị Nguyễn Thị Đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thanh Huỳnh